

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXX-ST ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố M, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị H ủy quyền cho chị Kiều Thu T, sinh năm 2003; Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2025).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố M, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh S được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N), huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Trong quá trình chung sống,

vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng, không có cách nào giải quyết được. Mặc dù trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

Về con chung: chị và anh S có 01 con chung là Phạm Hà V, sinh ngày 16/8/2012, hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh S. Sau ly hôn chị đề nghị giao cháu V cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với trình bày của chị H. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: anh, chị H có 01 con chung là cháu Phạm Hà V, sinh ngày 16/8/2012, hiện nay cháu V đang sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị giao cháu V cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phạm Hà V trình bày: Cháu từ khi sinh ra đến nay vẫn sinh sống cùng bố, được bố chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Mẹ cháu hiện vẫn đang lao động tại nước ngoài chưa về nước nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố.

Tại phiên tòa, chị H, anh S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, anh S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: chị H khởi kiện xin ly hôn anh S và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H hiện đang lao động tại Đài Loan. Anh S là bị đơn hiện đang cư trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là phường N), huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện đã sống ly thân nhau thời gian dài. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh S, Hội đồng xét xử thấy: chị H, anh S đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian dài. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định chị H, anh S không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh S là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân.

[6]. Về nuôi con chung: chị H, anh S có 01 con chung là cháu Phạm Hà V, sinh ngày 16/8/2012. Hiện nay cháu V đang sinh sống cùng anh S. Sau ly hôn chị H, anh S thống nhất đề nghị giao cháu V cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: chị H hiện đang lao động tại Đài Loan nên không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Cháu V trên 07 tuổi có nguyện vọng được sinh sống cùng bố. Ngoài ra, chị H, anh S thống nhất sau ly hôn giao anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Mặt khác, cháu V từ lúc sinh ra cho đến nay vẫn đang sinh sống ổn định cùng anh S,

cháu phát triển ổn định về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy giao cháu V cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển của trẻ nhỏ về mọi mặt hơn chị H cũng như phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, chị Thanh về việc giao cháu V cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do chị H, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hà V, sinh ngày 16/8/2012 cho anh Phạm Văn S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000390 ngày 20/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc